TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **733**/2026/DS- ST
Ngày: 27- 3- 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X -THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Ngọc L

2. Bà Nguyễn Thị L

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên K- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực X tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực X, Thành phố H (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2318/2025/DSST ngày 19/12/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2026/QĐXXST-DS ngày 04/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2026/QĐ-HPT ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S,

Địa chỉ liên lạc: Xx N, Phường X, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm xxxx;

(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm xxxx,

Địa chỉ: xx T, phường T, Tp. H.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Đình L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/9/2019, ông Nguyễn Tuấn K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,4%tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 122.318.899 đồng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 83.887.159 đồng thì ngưng thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc. Ngày 26/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 58.498.577 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tạm tính đến ngày 27/3/2026, ông Nguyễn Tuấn K còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 58.498.577 đồng, Lãi quá hạn: 128.321.944 đồng, Tổng cộng: 186.820.521 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2026 như trên và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, về án phí : Bị đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn K thanh toán khoản tiền nợ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự", cụ thể là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K có địa chỉ ghi trong hợp đồng tại nhà số xx T, phường T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông K đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tuấn K thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ngày 24/9/2019, tính từ ngày vi phạm đến ngày đến ngày 27/3/2026 là 186.820.521 đồng.

Do bị đơn ông Nguyễn Tuấn K không có văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, ngày 24/9/2019, ông Nguyễn Tuấn K và với Ngân hàng TMCP S ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Tuấn K, hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,4%/tháng.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi được sử dụng thẻ tín dụng, ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ là 58.498.577 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là phù hợp theo thỏa thuận tại Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/9/2019, tính từ ngày vi phạm đến ngày 27/3/2026 là 186.820.521 đồng (trong đó gồm: 58.498.577 đồng, Lãi quá hạn: 128.321.944 đồng) thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/9/2019 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, tính kể từ ngày 28/3/2026 cho đến ngày ông Nguyễn Tuấn K trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực X, Thành phố H phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

- Buộc ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/9/2019, tính từ ngày vi phạm đến ngày 27/3/2026 là 186.820.521 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng), trong đó gồm: 58.498.577 đồng, Lãi quá hạn: 128.321.944 đồng.

Kể từ ngày 28/3/2026 cho đến thi hành án xong, ông Nguyễn Tuấn K còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/9/2019 kèm Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K phải chịu số tiền là 9.341.026 (chín triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn không trăm hai mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.934.868 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000284 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X), Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N